TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TRẦN VĂN THỜI** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc Lập- Tự Do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 240/2019/HNGĐ-ST
Ngày 26-9-2019
V/v ly hôn, con chung khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN VĂN THỜI, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Võ Minh Luân.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Duyên Văn Hiền.

2. Bà Nguyễn Huỳnh Hưỡng.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Cẩm Hường – Thư ký Toà án nhân dân huyện Trần Văn Thời.

Trong ngày 26 tháng 9 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 212/2019/TLST-HNGĐ ngày 29/3/2019 về việc "Ly hôn, con chung khi ly hôn" theo quyết định đưa vụ án xét xử số 242/2019/QĐST-HNGĐ ngày 12 tháng 8 năm 2019; quyết định hoãn phiên tòa số 247/2019/QĐST - HNGĐ ngày 30 tháng 8 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Dương Thị Trúc L**, sinh năm 1984 (vắng mặt).

Địa chỉ: Khóm 8, thị t, huyện T, tỉnh Cà Mau

2. Bị đơn: Anh **Nguyễn Hồ C**, sinh năm 1983 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp T, xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 29 tháng 3 năm 2019 nguyên đơn chị Dương Thị Trúc L trình bày:

Về hôn nhân: Chị Dương Thị Trúc L và anh Nguyễn Hồ C thành hôn vào năm 2011, có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân thị trấn Trần Văn Thời, huyện Trần Văn Thời. Trong thời gian chung sống phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, thường xảy ra cự cải, chị L và anh C sống ly thân khoảng 04 năm nay. Chị L xác định chị và anh C không có khả năng đoàn tụ nên chị L yêu cầu được ly hôn với anh C.

Về con chung: Chị Dương Thị Trúc L và anh Nguyễn Hồ C có 01 con chung tên Nguyễn Dương Gia C, sinh ngày 26/5/2013, chị L đang nuôi dạy. Chị L yêu cầu

được trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án xem xét.

Trong quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ án Tòa án đã triệu tập hợp lệ đối với anh Nguyễn Hồ C nhưng anh Nguyễn Hồ C vẫn vắng mặt và không cung cấp cho Tòa án văn bản nêu ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định.

[1] Xét về thủ tục tố tụng: Bị đơn anh Nguyễn Hồ C có nơi cư trú tại huyện Trần Văn Thời, nguyên đơn chị L khởi kiện xin ly hôn với anh C nên Toà án nhân dân huyện Trần Văn Thời thụ lý giải quyết là đúng theo quy định tại Điều 28 và 35 của Bộ luật tố tụng dân sự. Tòa án đã triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai đối với anh Nguyễn Hồ C nhưng anh C vẫn vắng mặt tại phiên tòa. Ngày 29/3/2019 chị L có đơn xin vắng mặt. Căn cứ khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh C, chị L là phù hợp với quy định.

[2] Xét về hôn nhân: Chị Dương Thị Trúc L và anh Nguyễn Hồ C thành hôn vào năm 2011, có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân thị trấn Trần Văn Thời, huyện Trần Văn Thời. Được thể hiện tại giấy chứng nhận kết hôn số 86 quyển số 01/2011 ngày 01/7/2011, đúng theo quy định tại Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Như vậy, quan hệ hôn nhân giữa chị Dương Thị Trúc L và anh Nguyễn Hồ C được pháp luật công nhận là hôn nhân hợp pháp. Chị L xác định nguyên nhân mâu thuẫn dẫn đến yêu cầu ly hôn là trong thời kỳ hôn nhân vợ chồng bất đồng quan điểm sống, thường xảy ra cự cải, chị L và anh C sống ly thân khoảng 04 năm nay. Chị L xác định vợ chồng không có khả năng đoàn tụ nên yêu cầu được ly hôn với anh C. Hội đồng xét xử xét thấy, tình trạng hôn nhân giữa chị L và anh C đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Căn cứ Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Dương Thị Trúc L.

[3] Xét về con chung: Chị Dương Thị Trúc L và anh Nguyễn Hồ C có 01 con chung tên Nguyễn Dương Gia C, sinh ngày 26/5/2013, chị L đang nuôi dạy. Chị L yêu cầu được trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn. Xét thấy từ khi chị L, anh C ly thân đến nay cháu Nguyễn Dương Gia C do chị L trực tiếp nuôi dưỡng và hiện nay cháu Nguyễn Dương Gia C còn nhỏ, cần sự chăm sóc nuôi dưỡng của chị L. Căn cứ Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Giao cháu Nguyễn Dương Gia C, sinh ngày 26/5/2013 cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng phù hợp. Anh C có quyền thăm nom, chăm sóc con chung không ai có quyền cản trở anh C thực hiện quyền này.

[4] Xét về cấp dưỡng nuôi con: Chị L không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Xét về tài sản chung, nợ chung: không yêu cầu nên không xem xét.

[6] Về án phí: Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Nguyên đơn chị L phải chịu án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 28, Điều 35; khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, 53, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Dương Thị Trúc L, chị L được ly hôn với ang Nguyễn Hồ C.

Về con chung: Giao cháu Nguyễn Dương Gia C, sinh ngày 26/5/2013 cho chị L trực tiếp nuôi dạy, anh C không phải cấp dưỡng nuôi con. Anh C có quyền thăm nom, chăm sóc con chung không ai có quyền cản trở anh C thực hiện quyền này.

Về án phí: Án phí hôn nhân và gia đình chị Dương Thị Trúc L phải chịu 300.000 đồng. Chị L có nộp tạm ứng án phí là 300.000 đồng, theo biên lai thu tiền số 0002914 ngày 29/5/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau được chuyển thu đối trừ.

Án xử công khai nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai.

"Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7,7a,7b, 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự".

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKS cùng cấp;
- Chi cục THADS huyện TVT;
- UBND cấp giấy CNKH;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà
(Đã ký)

Võ Minh Luân